



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

*(Kèm theo quyết định số: 926.2022/QĐ - VPCNCL ngày 30 tháng 11 năm 2022
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)*

Tên phòng thí nghiệm/ **Phòng quản lý chất lượng**
Laboratory: **Quality control Department**

Cơ quan chủ quản/ **Công ty Xi măng ChínFon**
Organization: **ChinFon cement corporation**

Lĩnh vực thử nghiệm/ **Vật liệu xây dựng**
Field of testing: **Civil - engineering**

Người quản lý/ **Đào Nguyên Hường**
Laboratory manager:

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Chang Jen Chieh	Các phép thử được công nhận/ <i>All accredited tests</i>
2.	Đào Nguyên Hường	
3.	Nguyễn Đức Toàn	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 088**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **30/ 11/ 2025**

Địa chỉ/ *Address:* **Số 288 Đường Bạch Đằng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng**
No 288 Bach Dang Street, Minh Duc town, Thuy Nguyen district, Hai Phong city

Địa điểm/ *Location:* **Số 288 Đường Bạch Đằng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng**
No 288 Bach Dang Street, Minh Duc town, Thuy Nguyen district, Hai Phong city

Điện thoại/ *Tel:* **+84 0225 387 5480**

Fax: **+84 0225 387 5459**

E-mail: **huongdn@cfc.vn**

Website: **www.cfc.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 088****Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng****Field of testing: Civil - Engineering**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Xi măng <i>Cement</i>	Xác định cường độ chịu nén <i>Determination of compressive strength</i>	Đến/ <i>Upto</i> 250 kN	TCVN 6016:2011
2.		Xác định thời gian đông kết <i>Determination of setting time</i>		TCVN 6017:2015
3.		Xác định độ ổn định thể tích <i>Determination of soundness</i>		
4.		Xác định độ nghiền mịn. Phương pháp sàng <i>Determination of fineness. sieve method</i>		TCVN 4030:2003
5.		Xác định độ nghiền mịn. Phương pháp blaine <i>Determination of fineness. Blaine method</i>		
6.		Xác định hàm lượng SO ₃ <i>Determination of SO₃ content</i>		TCVN 141:2008
7.		Xác định hàm lượng mất khi nung <i>Determination of loss on ignition</i>		
8.		Xác định hàm lượng cặn không tan <i>Determination of insoluble residue content</i>		
9.		Xác định hàm lượng MgO <i>Determination of MgO content</i>		
10.		Xác định độ nở autoclave <i>Determination of autoclave expansion</i>	d = 0,001 mm 300 mm	TCVN 8877:2011

Ghi chú/ Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam standards*